

Số: 10/2021/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức
và người quản lý doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015,
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008, Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25
tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của
Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của
Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn
nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Thực hiện Quy định số 1661-QĐ/TU ngày 05/5/2020 của Tỉnh ủy Quảng
Nam về việc phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1410/TTr-SNV ngày 06/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý cán bộ, công chức và người quản lý doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021;

Quyết định này thay thế Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về quản lý cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong cơ quan hành chính nhà nước và người quản lý doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp
- Cục KTVBQPPL;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- CPVP, các Phòng chuyên viên;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý cán bộ, công chức và người quản lý doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý cán bộ, công chức và người quản lý doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức thuộc cấp tỉnh; cán bộ, công chức cấp huyện và cán bộ, công chức xã theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

b) Người quản lý doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý cán bộ, công chức, người quản lý doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý cán bộ, công chức theo chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định đi đôi với thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong công tác quản lý cán bộ, công chức.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức trong phạm vi toàn tỉnh nhưng có sự phân công, phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn quản lý theo quy định của Nhà nước và phù hợp với yêu cầu, điều kiện, tình hình thực tế của địa phương; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý cán bộ, công chức của các địa phương, đơn vị.

3. Đảm bảo đúng nguyên tắc, thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật và quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ, công chức.

4. Cán bộ, công chức phải chấp hành các quyết định của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các quyết định của cấp trên về quản lý cán bộ, công chức.

Điều 3. Nội dung quản lý cán bộ, công chức, người quản lý doanh nghiệp

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.
2. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch.
3. Vị trí việc làm và cơ cấu.
4. Xác định số lượng và quản lý biên chế.
5. Tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng.
6. Tổ chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng.
7. Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ.
8. Tổ chức thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật.
9. Thực hiện chế độ thôi việc, nghỉ hưu.
10. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ.
11. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành quy định của pháp luật.
12. Chỉ đạo, tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 4. Quy ước từ ngữ

1. Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh gọi chung là Sở.
2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Chi cục, Ban và cơ quan tương đương trực thuộc Sở gọi chung là Chi Cục.
4. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương phòng thuộc Sở và Ủy ban nhân dân cấp huyện gọi chung là Phòng.
5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương II
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN
VỀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 5. Tuyển dụng công chức

1. Ủy ban nhân dân tỉnh
 - a) Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức.
 - b) Quyết định danh sách đủ điều kiện tham gia thi tuyển, xét tuyển công chức, tiếp nhận vào làm công chức.
 - c) Quyết định ban hành quy chế tuyển dụng công chức cấp xã.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển, xét tuyển công chức, Ban Giám sát kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức; Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức.

b) Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức thông qua thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận vào làm công chức.

c) Quyết định hủy kết quả trúng tuyển đối với các trường hợp không đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

d) Thống nhất bằng văn bản đối với các trường hợp tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý và trường hợp tiếp nhận vào làm công chức không phải kiểm tra, sát hạch.

3. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức được giao hàng năm, xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Quyết định tuyển dụng công chức, hủy quyết định tuyển dụng công chức đối với các trường hợp không đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

d) Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản đối với việc tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng.

4. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được phê duyệt và biên chế công chức được giao hàng năm xây dựng nhu cầu tuyển dụng công chức gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Lập hồ sơ các trường hợp tiếp nhận vào làm công chức gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

c) Phân công công tác và hướng dẫn tập sự đối với người được tuyển dụng vào công chức (đối với trường hợp phải thực hiện chế độ tập sự).

d) Đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ hủy Quyết định tuyển dụng công chức đối với các trường hợp không đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Bổ nhiệm vào ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Xây dựng Đề án, chỉ tiêu thi nâng ngạch lên cán sự, chuyên viên hoặc tương đương, lên chuyên viên chính và tương đương báo cáo Bộ Nội vụ thống nhất trước khi thực hiện.

b) Ban hành kế hoạch thi nâng ngạch công chức.

c) Xin ý kiến Bộ Nội vụ đối với trường hợp xét nâng ngạch và bổ nhiệm đối với ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định cử cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (hoặc kỳ thi nâng ngạch do Bộ, ngành Trung ương tổ chức).

b) Quyết định danh sách cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

c) Quyết định thành lập hội đồng thi, Ban giám sát kỳ thi nâng ngạch công chức thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

d) Quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức và danh sách công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

đ) Quyết định bổ nhiệm, chuyển xếp ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.

e) Quyết định chuyển xếp ngạch đối với các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng, Phó các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng trực thuộc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm.

g) Thống nhất đề Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm vào ngạch theo thẩm quyền đối với các trường hợp xét nâng ngạch, nâng ngạch khi có thông báo nghỉ hưu.

3. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

b) Hướng dẫn và thẩm định hồ sơ dự thi nâng ngạch, xét nâng ngạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Triển khai thực hiện tổ chức thi nâng ngạch công chức theo quy định.

d) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính và tương đương (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm e, khoản 2 Điều này).

đ) Quyết định chuyển xếp lại ngạch đối với cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương khi thay đổi vị trí công tác (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm e, khoản 2 Điều này).

4. Giám đốc Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Lập hồ sơ, thủ tục có liên quan của các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, công chức được tuyển dụng đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch và công chức đạt kết quả khi hết thời gian tập sự.

c) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống các trường hợp được xét nâng ngạch sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Quyết định chuyển ngạch đối với cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống khi thay đổi vị trí công tác (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm e, khoản 2 Điều này).

đ) Chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện cử cán bộ, công chức tham gia dự thi nâng ngạch công chức.

Điều 7. Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh, chức vụ:

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Giám đốc, Phó Giám đốc Sở; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và Trưởng, Phó các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên ở doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu.

đ) Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng trực thuộc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Giám đốc Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Lập hồ sơ, thủ tục có liên quan của những đối tượng quy định tại khoản 1 của Điều này gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Chịu trách nhiệm trong việc xem xét, thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền phân cấp quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

c) Quyết định nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý (Trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 1 Điều này).

Điều 8. Tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, phê chuẩn.

b) Quyết định cử người làm đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

c) Quyết định điều động, luân chuyển đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

d) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định điều động, luân chuyển đối với Tổng Giám đốc, Giám đốc.

2. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức đang làm việc ở các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác; cán bộ, công chức đang làm việc tại cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc tỉnh về làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) và cán bộ, công chức công tác tại các cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc huyện, thị xã, thành phố này về làm việc tại Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khác và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định điều động cán bộ, công chức từ Sở, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố này sang Sở, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khác thuộc tỉnh, các cơ quan Đảng, đoàn thể trong tỉnh; các cơ quan, đơn vị ngoài tỉnh (trừ những trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm c, khoản 3 Điều này).

3. Giám đốc Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Lập hồ sơ, thủ tục đối với các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan Đảng, đoàn thể trong cùng huyện, thị xã, thành phố về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền trong huyện, thị xã, thành phố.

d) Quyết định điều động cán bộ, công chức công tác tại khối chính quyền thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về công tác tại các cơ quan Đảng, đoàn thể trong cùng huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định điều động công chức cấp xã đến nhận công tác tại huyện, thị xã, thành phố khác và tiếp nhận, bố trí công tác công chức cấp xã tại các xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý.

e) Đề nghị cấp có thẩm quyền cử hoặc quyết định cử người làm đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định.

Điều 9. Quy hoạch, bổ nhiệm và từ chức, miễn nhiệm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với công chức.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định bổ nhiệm (kể cả phụ trách), bổ nhiệm lại và từ chức, miễn nhiệm đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương (trừ các chức danh thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh); cấp trưởng, phó các Chi cục (trừ cấp trưởng, phó các Chi cục mà văn bản pháp luật quy định thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Sở).

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm kế toán trưởng theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thanh tra viên, thanh tra viên chính theo quy định hiện hành.

d) Quyết định phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh là Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng và tương đương thuộc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm.

đ) Quyết định phê duyệt quy hoạch, bổ nhiệm, cho từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên ở doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu.

e) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, đối với Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu.

g) Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nhân sự, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục, thực hiện quy trình về công tác cán bộ đối với những trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty

a) Hàng năm trên cơ sở thống nhất của cấp ủy cơ quan, đơn vị cùng cấp, xây dựng, rà soát quy hoạch cán bộ, công chức và phê duyệt quy hoạch cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ để tổng hợp).

b) Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục, thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác và từ chức, miễn nhiệm đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và từ chức, miễn nhiệm đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Chi Cục trưởng, Phó Chi Cục trưởng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm theo đúng quy định của pháp luật.

d) Quyết định hoặc phân cấp cho người đứng đầu đơn vị trực thuộc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương của đơn vị trực thuộc.

đ) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm theo đúng quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Điều 10. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước và của Đảng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền được quy định tại Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Giám đốc Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty căn cứ quy định của Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và tiêu chuẩn, quy hoạch, sử dụng cán bộ, công chức hàng năm rà soát, lập danh sách đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định cử cán bộ, công chức hoặc quyết định cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Điều 11. Chế độ nghỉ hưu, thôi việc

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, phê chuẩn; cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

b) Quyết định nghỉ hưu đối với các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và Trưởng, Phó các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên ở doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu.

c) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty

a) Lập hồ sơ, thủ tục cho các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, phê chuẩn; cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện chính sách nghỉ hưu, thôi việc theo đúng quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Điều 12. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức

1. Hồ sơ cán bộ, công chức được quản lý bằng văn bản giấy và trên phần mềm quản lý chuyên dụng của cơ quan có thẩm quyền ban hành. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực

hiện quản lý hồ sơ cán bộ, công chức đúng hướng dẫn, quy định của Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức và kiểm tra, hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức đúng quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quản lý hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn và hồ sơ cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý đúng theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc Sở quản lý hồ sơ công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và hồ sơ cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý đúng theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ở doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quản lý hồ sơ người quản lý doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

6. Hằng năm cơ quan quản lý hồ sơ cán bộ, công chức có trách nhiệm cập nhật, bổ sung, báo cáo hồ sơ cán bộ, công chức theo quy định.

Điều 13. Chế độ báo cáo, thống kê và làm thẻ công chức

1. Giám đốc Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện báo cáo thống kê số lượng, chất lượng công chức, danh sách và tiền lương công chức của năm trước (số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước) theo đúng quy định của Bộ Nội vụ hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Làm thẻ công chức theo mẫu và mã số do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo thống kê số lượng, chất lượng công chức, danh sách và tiền lương công chức, định kỳ, đột xuất, báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Cung cấp mã số thẻ và hướng dẫn, kiểm tra việc làm thẻ, sử dụng thẻ đối với cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ.

Điều 14. Đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Hàng năm tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của Chính phủ và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về quy trình, thủ tục, nội dung, thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng.

2. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng theo đúng quy định.

Điều 15. Khen thưởng

Việc khen thưởng đối với cán bộ, công chức, người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành của trung ương, tỉnh.

Điều 16. Kỷ luật

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ, văn bản pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tiến hành trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với chức danh Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty.

b) Quyết định hình thức kỷ luật đối với Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước.

c) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Giám đốc.

3. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành trình tự, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty

a) Tiến hành trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm và phân cấp quản lý theo quy định.

b) Giám đốc Sở, cơ quan được ủy quyền quản lý doanh nghiệp, cơ quan quản lý người đại diện phần vốn nhà nước tiến hành trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật và lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định hình thức kỷ luật đối với kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã hoặc phân cấp thực hiện trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật theo quy định.

d) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty tiến hành trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật và lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định hình thức kỷ luật đối với thành viên Hội đồng thành viên.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm phổ biến, công khai trong cơ quan, đơn vị được biết và triển khai thực hiện đúng Quy định.

Căn cứ các quy định của pháp luật và phân cấp tại Quy định này, xây dựng văn bản quản lý quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc.

2. Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Quy định khác

1. Trong quá trình thực hiện Quy định này có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của tỉnh.

2. Các nội dung không phân cấp tại Quy định này thực hiện theo pháp luật hiện hành, trường hợp có các quy định mới của cơ quan có thẩm quyền khác với Quy định này thì thực hiện theo các quy định mới./.